TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/9/2021.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Văn Ngư.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc "L*y hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Yến L, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: T 4, xã Đức T, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: T 4, xã Măng T, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

(có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Minh T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 nguyên đơn chị Lê Thị Yến L trình bày:

Chị L và anh T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đức T, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/4/2014; chị và anh T có 01 con chung tên Võ Quốc K, sinh ngày 02/9/2014. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 4 năm 2014 phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, nên không còn sống chung đến nay; hiện con đang sống chung với chị L; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Minh T:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Đối với bị đơn: Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con, nên quan hệ pháp luật điều chỉnh là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Về thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn Võ Minh T đang cư trú ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Về nội dung:

[1] Xét thấy chị L và anh T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đức T, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/4/2014, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng nhưng đến khoảng tháng 4 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên không còn sống chung đến nay; chị L cương quyết xin ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên Võ Quốc K, sinh ngày 02/9/2014.

Xét thấy trong quá trình anh T và chị L không còn sống chung, cháu K được chị L chăm sóc nuôi dưỡng và tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Võ Quốc K, cháu K yêu cầu xin được sống với chị L, căn cứ khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình,

nên tiếp tục ổn định giao con cho chị L nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho anh Toàn theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Chi L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị chấp Hội đồng xét xử nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Yến L và anh Võ Minh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Quốc K, sinh ngày 02/9/2014 cho chị Lê Thị Yến L chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh Toàn.

Chi L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008659 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bàn án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Đức Tân, H. Tánh Linh, BT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 20 ngày 29 tháng 9 năm 2021.

Tại trụ sở: Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ngư.
- Ông Lâm Ngọc Hà.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Yến Linh, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đức Tân, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Thôn 4, xã Măng Tố, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Võ Minh Toàn, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Đắc Lực, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất áp dụng điều luật và các nội dung như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tung dân sự.
- Khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết thống nhất 3/3.

\

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Yến Linh và anh Võ Minh Toàn.
- Về con chung: Giao con chung tên Võ Quốc Khánh, sinh ngày 02/9/2014 cho chị Lê Thị Yến Linh chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh Toàn.

Chi Linh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Linh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
- Về nợ chung: Không có, chị Linh không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Án phí sơ thẩm: Chị Linh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008659 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Biểu quyết thống nhất 3/3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc 8 giờ 30 cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA